

SÔNG NÚI TIÊU TƯƠNG, HƯƠNG CỔ PHÁP

TRẦN QUỐC VƯƠNG

Lời Tòa soạn:

Năm 1996, Cố Giáo sư Trần Quốc Vương có bài viết "Sông núi Tiêu Tương, hương Cổ Pháp" tham dự Hội nghị Thông báo những kết quả nghiên cứu- phát hiện mới về lịch sử- văn hoá Hà Bắc (nay là Bắc Ninh và Bắc Giang), do Bảo tàng Hà Bắc tổ chức. Nhận thấy những ý kiến từ hơn 10 năm trước của cố Giáo sư trong di cảo này gợi nghĩ nhiều vấn đề liên quan trực tiếp đến các hoạt động chào mừng Đại lễ Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long- Hà Nội, Tạp chí Di sản văn hoá trân trọng giới thiệu bài viết của cố Giáo sư.

1- Theo Thiên uyển tập anh (truyện Thiên sư Định Không) thì họ Lý vốn là một "vọng tộc", từ những thế kỷ VII- VIII, Dịch Bảng- Diên Uẩn là vùng có một mạng chùa dày đặc, như chùa Thiện Chúng, chùa Lục Tổ. Chùa Ứng Thiên Tâm, chùa Minh Châu, chùa Song Lâm v.v... Với các vị thiên sư thuộc thiền phái Vinitaruci như Định Không (?- 808). Thông Thiện, La Quý An (852- 936). Thiên Ông (902- 979), Vạn Hạnh (?- 1018)... Họ Lý có nhiều vị thiên sư nổi tiếng. Thiên sư Định Không là người đổi tên hương Diên Uẩn thành hương Cổ Pháp từ khi sư dựng chùa Quỳnh Lâm ở bản hương, thợ đào móng tìm được một bình hương và 10 chiếc khánh, đem ra sông rửa, một chiếc trôi liệng đến khi chạm đất mới nằm im.

Sự việc đó cho ta 03 thông tin:

1.1- Người trong hương rất tôn sùng sư họ Lý, do vậy sư đổi tên hương được dân hưởng ứng cả.

1.2- Cổ pháp từ thế kỷ VIII đã đào được đồ cổ, vậy đây là một khu rất cổ xưa.

Quả vậy, ở cuối thập kỷ 70 đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX này, Bảo tàng Hà Bắc và tôi đã phát hiện, khai quật được di chỉ và mộ táng Đông Sơn ở khu vực Đông Gio cùng nhiều mộ Hán cổ ở Đình Bảng và chung quanh. Nhưng bài viết này không chuyên chú vào việc đó mà chỉ muốn đề cập đến thời cảnh môi sinh vùng quê hương nhà Lý, về việc bảo vệ, tôn tạo môi trường khu di tích ấy... Thì đây, vẫn theo truyện Định Không thiên sư.

1.3- Cổ Pháp sông chảy qua giữa làng, chia hương (to hơn làng) làm hai nửa. Sông ấy nay chỉ còn là một dãy ao làng, có đoạn bị lấp, có đoạn biến thành ruộng lúa. Các vị lão làng còn biết rõ đấy là sông Tiêu Tương, nằm trong hệ sông (hệ cảnh cây và hệ song song) Thiên Đức (xưa gọi là Bắc Giang, đầu thời Lý mới đổi tên này) mà người ta thường nhầm là sông Đuống.

2- Hệ sông: Ba chục năm qua, tôi và nhiều cán bộ Bảo tàng Hà Bắc, Bộ môn khảo cổ học- Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Đại học Quốc gia Hà Nội), Viện Khảo cổ học... đã "cày đi cày lại", điển dã vùng Tiên Sơn, Yên Phong, Thuận Thành, Đông Anh... Và, trên cơ bản đã nhận thức lại được một hệ sông cổ của xứ Bắc.

2.1- Chúng ta đã "Giải ảo/hiện thực hóa" về sông Đuống: Đoạn đầu sông này đã bị đào thẳng như kẻ chỉ khoảng vài km và đoạn từ Bến Hồ ra Bình Thanh xưa cũng nhỏ: ở đây có vai

trò của Hoàng Giáp Phú (Nguyễn Tư Giản).

2.2- Dâu- Canh (nay thuộc Đông Anh- xưa là Đông Ngàn- Từ Sơn) là đỉnh thứ 2 của tam giác châu Bắc bộ (đỉnh thứ nhất là Việt Trì): đây là nơi sông phân nhánh hai bên tả hữu ngạn.

2.3- Sông Thiếp (sau gọi là sông Ngũ Huyện) là nhánh sông Nhị tách ra từ Đại Đồng (Yên Lãng, nay gọi là Mê Linh) chảy qua Đông Anh (đầm Vân Trì) chảy ra dưới chân thành Cổ Loa xuôi xuống Từ Sơn (Đồng Kỵ) Tiên Du... rồi chảy vào sông Cầu ở Quả Cảm (Yên Phong), đối ngạn với Thổ Hà.

2.4- Sông Tiêu Tương cũng là nhánh sông Hồng, từ Hoa Lâm- Mai Lâm chảy qua Đình Bảng- đầm Phù Lưu- và có 2 nhánh: một nhánh chảy sang các làng Tiêu, Ó Chợ (Dương Ổ) rồi chảy vào sông Thiếp ở vùng Đồng Bạch: Ngã ba này có một di chỉ thời đại đồng thau; một nhánh chảy xuống Đại Đồng rồi hoà vào nước sông Tào Khê, chảy Tây- Đông dưới chân Phật Tích.

3- Nói các làng Tiêu Tương là tôi muốn nói đến Tiêu Viềng, Tiêu Sơn, Tương Giang... với núi Tiêu lưng danh... Chân núi Tiêu (xưa còn gọi Ba Tiêu) là sông Tương, nay chỉ còn sót lại một "ao rớt" lớn. Đó là nơi phát sinh và hiện tồn của Huyền Tích Trương Chi- My Nương đầy kịch tính, nguồn sáng tác văn nghệ của mãi mãi về sau; đây cũng là một di chỉ "xưởng" thời đại đồng thau. Đó là nơi còn móng nền của chùa Tràng Liêu, Tiêu Sơn cổ sai, nơi tu hành của Thiền sư Vạn Hạnh, thiền Tổ của Lý Thái Tổ- Công Uẩn hay/và người Cha tinh thần của vua sáng nghiệp triều Lý: "Vạn Hạnh chung tam tế.." (thơ Lý Nhân Tông).

Đấy, theo tôi Núi Tiêu- Sông Tiêu, cả lưu vực Tiêu Tương Giang ấy là không gian văn hoá dựng nghiệp của nhà Lý. Bảo tàng Hà Bắc- Việt Nam hiện đại nên có cái nhìn Bảo tàng học môi sinh trên toàn vùng ấy. Bảo tàng học, khảo cổ học nay được coi là một bộ môn sinh thái học nhân văn.

4- Cũng dựa vào *Thiền uyển tập anh* (truyện Thiền sư Vạn Hạnh) với 4 bài thơ mà Vạn Hạnh cho khắc vào cọc gỗ cắm ở 4 bên ngôi mộ Hiển Khánh Vương (phụ thân Lý Công Uẩn), tôi đã hoạch định được cái nhìn phong thủy của Vạn Hạnh về vị thế Quê hương nhà Lý.

4.1- Căn cứ 4 bài thơ đó, tôi có thể vẽ sơ đồ Đình Bảng.

Dải núi Nham Biền ven sông Cầu là tay Long; Dải núi Tiên Du- Tiên Sơn là tay Hổ với sông Thiên Đức (chứ không phải sông Đuống).

4.2- Do đấy (sơ đồ- xem hình 2) và do đi điền dã, tôi và các cán bộ Bảo tàng Hà Bắc, Viện Khảo cổ... đã phát hiện lại sông Dâu, chảy theo chiều Bắc Nam, từ chân núi Phật Tích xuống qua xóm (Cửa) sông Đình Tổ, qua hệ tứ/ngũ Pháp chùa Dâu- Khương Tự, xuống Liễu Lâm, Liễu Ngạn- Lạc Đạo...

4.3- Đoạn sông Thiên Đức mà nay tôi và các bạn đồng nghiệp của tôi còn "nhìn" thấy được, là từ dốc Lữ trên hữu ngạn sông Đuống chảy xuôi vùng quê Ý Lan, Sủi- Dương Đình- Dương Đanh- Dương Đá, xuống đến (Ghênh- Như Quỳnh thì hòa nước với sông Ghênh (Nghĩa Trụ)- đấy là ngã ba Ghênh- rồi trên nối với sông Dâu, xuôi nữa xuống sông Sặt- Cẩm Bình- Hải Hưng, là vùng trũng của cả Gia Lương- Hà Bắc... cho tới Phả Lại, Lục Đầu. Đây là vùng không gian văn hoá Man Nương- Ý Lan- lán giếng của không gian Tây Vu- Lý- Tiên (Du) Sơn.

5- Ta hãy để ý đến tên Hạc Lâm của thơ Vạn Hạnh:

5.1- Qua kinh nghiệm điền dã từ Việt Trì, Hà Tây, Hà Bắc đến Quảng Bình... Nay tôi đã hiểu Hạc (Bạch Hạc), Hát (Hát môn), Hát (Trương Hát) Hạc (Hạc hài) = Hác = ngã ba nước. Ngã ba sông là làng lớn hay là thị tứ.

Đình Bảng- Cổ Pháp là ở ngã ba nước Thiên Đức- Tiêu Tương, nói rộng ra là ở vùng tứ giác nước Thiên Đức- Tiêu Tương- Ngũ Huyện- Nguyệt Đức (Cầu) Bắc Xứ Bắc.

Do tôi suy đoán từ trước¹ và rất gần đây, PTS. Trịnh Sinh "đọc" được hàng chữ Hán bên trong trống Cổ Loa, ta biết gần như chắc chắn rằng vùng đất nước từ sông Thiếp cho đến Tiêu Tương- Tiên Du là vùng đất Tây Vu, một "bộ" lớn của nước Văn Lang, một "huyện" lớn của Giao Chỉ quận thời Hán. Và, Đông Đình Bảng là Long Biền, Nam Đình Bảng là Luy Lâu, Bắc đình Bảng là Cổ Loa, những trung tâm chính trị văn hoá lớn ở trước sau Công nguyên. Đình Bảng thuộc Tây Vu- Tiên Du- Tiên Sơn nay.

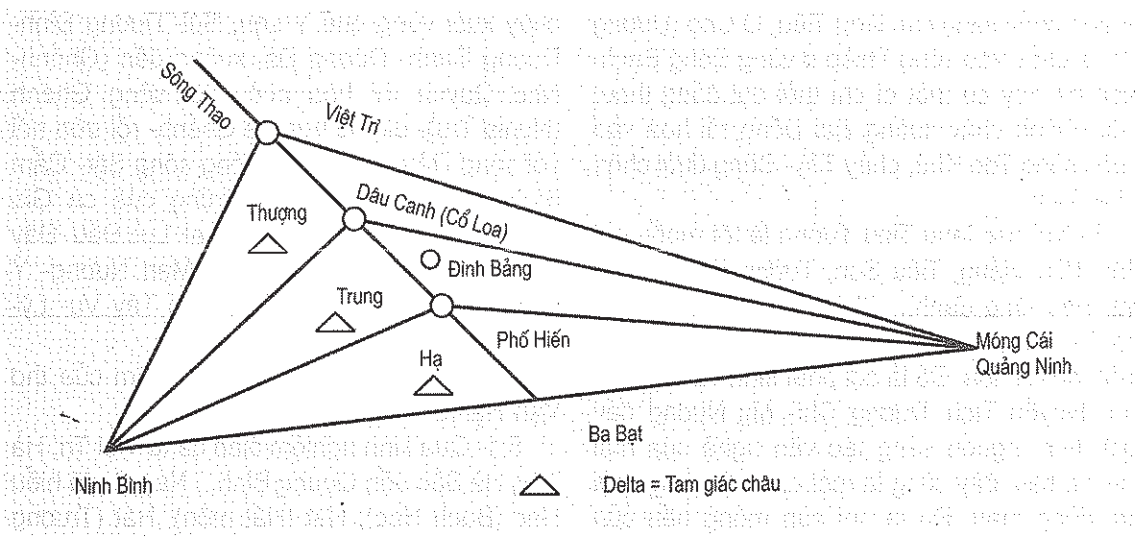
5.2- Ta lại để ý đến chữ Lâm trong "Hạc Lâm" thơ Lý. Lâm là Rừng.

Rừng Báng cho đến trước 1901 rộng hàng trăm mẫu, nơi “cấm địa sơn lăng” của nhà Lý, mà tục lệ chôn Lý Bát Đế trong rừng là kế thừa của tâm thức Mường- Việt cổ. Cạnh rừng Báng, là rừng Mành Tam Tảo, rừng Sặt, rồi nào những Mai Lâm, Du Lâm, Hoa Lâm, Trường Lâm, Gia Lâm v.v... (Hoa Lâm là đền thờ tổ nhà Lý) đến nay đã lở xuống sông Đuống gần bãi cát Bắc cầu Đuống.

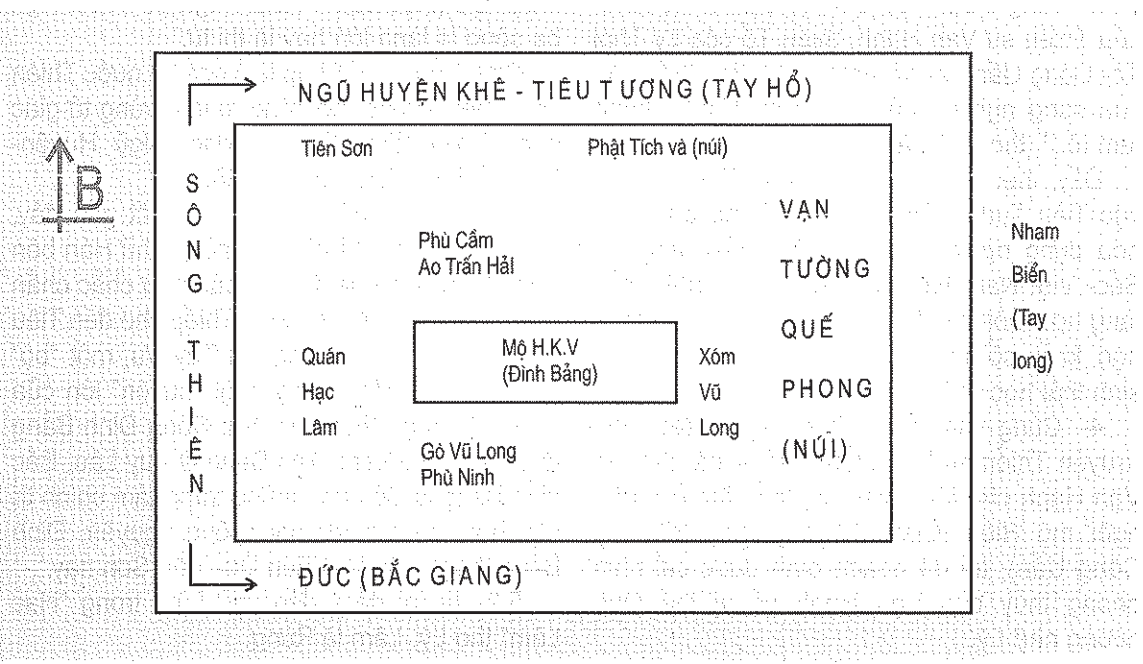
Núi- Rừng- Sông- Làng- Ruộng- Vườn- Đầm- Ao là cảnh quan sinh thái nhân văn của quê nhà Lý ở vùng trung châu thổ² mà tôi đã mô hình hoá.

6- Trên đã nói đến Phù Cầm- Phù Ninh và

Phù Lưu cạnh Đình Bảng. Ruộng Đình Bảng xưa sát chân lũy tre Phù Ninh. Cũng nên nói thêm: Phù Dục, Phù Đồng (và Phù Chấn nữa), với chùa Kiến Sơ- Phù Đồng mà Lý Thái Tổ- Công Uẩn rất thân với thiền sư Đa Bảo ở tổ đình Kiến Sơ của hệ thiền phái Vô Ngôn Thông. Xứ Bắc có 2 tổ đình của hai thiền phái xưa nhất đất Việt: Luy Lâu- Dâu- Khương Tự của Vinitaruci và Kiến Sơ của Vô Ngôn Thông, ấy là ta chưa kể đến hệ Phật Tích mà ta có thể ngược lên tới Khâu Đà La hay Già- Da đồ lê, ông “Thầy đen” hay Tara gốc Ấn ở đầu Công nguyên. Toàn thể các Hệ Phật giáo Việt Nam này đều ủng hộ và suy tôn Lý Công Uẩn lên



Hình 1: Vị thế của Đình Bảng trong tam giác châu (Châu thổ sông Hồng)- Nguồn: Tác giả



Hình 2: Sơ đồ Đình Bảng- Nguồn: Tác giả

làm vua sáng nghiệp triều Lý, sáng lập ra thời đại Văn hoá Thăng Long Đại Việt. Trí thức Đại Việt ủng hộ và suy tôn nhà Lý.

6.1- Tống Bình- An Nam đô hộ phủ trỗi vượt lên từ thế kỷ VI- VII, với Lý Nam Đế và sau đó, với thời thuộc Đường (VII- IX). Đây là đất Rốn rồng (Long đở)- Tô Lịch. Song, nội lực tự sinh của đất này chưa đủ để ngăn chặn loạn Thập nhị sứ quân. Xứ Nam nổi với Đỗ Thạc, Trần Lãm, Đinh Bộ Lĩnh. Xứ đông còn thế lực Phạm Lệnh công. Xứ Đoài còn dòng dõi họ Ngô của Ngô Quyền, họ Kiều- con cháu Kiều Công Tiễn ở Châu Phong, xứ Bắc còn Lã Đường, Lý Khuê và dòng Nguyễn Thủ Tiệp (Tiên Du...).

Đại Việt chỉ thực sự ổn định và bắt đầu phát triển với nhân tài- vật lực Xứ Bắc mà đứng đầu thế giới tâm linh là các vị thiên sư, để cấu trúc nên nền quân chủ Phật giáo đời Lý.

6.2- Xứ Đoài là Việt cổ Đất Tổ. Đất phù sa cổ tắt ngôi vua.

Xứ Nam phải chờ đến thế kỷ XIII, nhà Trần mới nổi trỗi.

Xứ Đông phải chờ đến thế kỷ XVI, đời Mạc là khởi sắc.

Xứ Bắc đi trước, từ đầu thế kỷ XI đã tiến vào khu vực "Trung tâm cõi bờ đất nước".

Theo tôi, giới sử học Việt Nam còn đang mù mờ về cách lý giải địa- văn hoá này.

Tôi thật tình là người yêu và lẫn lộn nhiều ở xứ Bắc, nhưng tôi tự hào cho mình là không "pro"- không thiên lệch trong cái nhìn về địa văn hoá Hà Bắc lúc này.

7- Do vậy, để tiến tới kỷ niệm "ngàn năm dựng đô Thăng Long", cả nước dốc sức cùng làm, nhưng trước hết phải là Hà Nội và Hà Bắc.

Nhà nước cần đầu tư cho Hà Bắc:

7.1- Rà soát lại một lần nữa hệ thống sông nổi Thăng Long- Đình Bảng. Vẽ bản đồ. Xây dựng sa bàn.

7.2- Trồng cây (ngay từ nay, Tùng trên chuối dưới, vì đây là vốn là núi Ba Tiêu = chuối).

7.3- Đào xác định nền chùa Tràng Liêu (nơi tu hành của thầy Vạn Hạnh) ở xã Tương Giang.

7.4- Khôi phục chùa Dận, đặc biệt tam quan chùa này bên quốc lộ I.

7.5- Xây lại mộ- tháp sư Lý Khánh Văn, người nuôi Lý Công Uẩn đến 3 tuổi.

7.6- Trùng tu chùa Đình Bảng (Lục Tổ), đình XVIII, đã xuống cấp).

7.7- Nạo vét, phục hồi một đoạn Tiêu Tương trước Đình- chùa Đình Bảng.

7.8- Sửa lại Đền Đô, trồng cây.

7.9- Dịch các văn bia (bia Trạng Bùng).

7.10- Sửa đền Lý Chiêu Hoàng.

7.11- Sửa Đình Sấm (quê Mẹ Lý Công Uẩn). Giải mã hàng chữ "Cha- La Tự" ở đây (rất lý thú).

7.12- Sửa chùa Tiêu Sơn. Sửa tháp Vạn Hạnh (ở núi Tiêu).

7.13- Sửa đường xá.

7.14- Vạch tuyến lữ hành- du lịch Đình Bảng- đình Sấm- Tiêu Sơn- Phật Tích- Kiến Sơ- Phù Đổng.

7.15- Nạo vét Tào Khê- mối nối Tào Khê/Tiêu Tương, Tiêu tương/Ngũ Huyện.

7.16- Viết sách về vùng văn hoá này./.

T.Q.V

Chú thích:

1- Phiên âm ra chữ Hán một tiên Việt cổ: Tây Vu- Tiên Du với gốc Tây Âu (Việt).

2- Tôi gọi là châu thổ mà không gọi là đồng bằng vì châu thổ Bắc bộ có nhiều đồi núi sót và nhiều (ô) trũng.

TRẦN QUỐC VƯỢNG: TIÊU TƯƠNG RIVER AND MOUNTAIN, CỔ PHÁP VILLAGE

The author reviews Bắc Ninh area under new light of cultural geography, and then approach old rivers and old land names, and link them together to find out some characteristics of history and culture of this land. At the same time, the author also tries to decode some relevant historical and geographical remains.